

Số: 1133/BC-UBND

Hạ Long, ngày 20 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hạ Long trong tháng 11 năm 2023

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long báo cáo tổng hợp tình hình kết quả thực hiện trong tháng 11 năm 2023, như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tiếp tục đẩy mạnh chỉ đạo triển khai thực hiện chuyển đổi số theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 28/02/2023 về Chuyển đổi số toàn diện thành phố Hạ Long năm 2023.

- Xây dựng ban hành Kế hoạch số 411/KH-UBND ngày 25/10/2023 về việc triển khai Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 12/10/2023 của UBND tỉnh về đánh giá mức độ Chuyển đổi số năm 2023; số 429/KH-UBND ngày 13/11/2023 về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến năm 2023 trên địa bàn thành phố Hạ Long.

- Ban hành các văn bản để tăng cường thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn và thực hiện Đề án 06, tập trung triển khai Năm Dữ liệu số Quốc gia và khai thác CSDL quốc gia về dân cư trên địa bàn Thành phố.¹

- Phòng Văn hóa - Thông tin (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số Thành phố) đã nhận được 49/53 báo cáo của các phòng, ban, đơn vị; còn 04/53 đơn vị (Xã Đông Lâm, Xã Vũ Oai, Trung tâm PTQĐ, Ban quản lý các DVCI) chưa gửi báo cáo kết quả tháng 11/2023 thực hiện Kế hoạch 69/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND Thành phố Hạ Long về Chuyển đổi số toàn diện thành phố Hạ Long năm 2023.

II. Kết quả cụ thể

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

1.1 Kết quả thực hiện 30 mục tiêu: Trong tháng 11 có thêm 01 mục tiêu hoàn thành; Lũy kế đến hết tháng 11/2023, có 19/30 mục đã hoàn thành (đạt 63,3%): (1)

¹ Các công văn: số 8540/UBND-VHTT ngày 25/10/2023 về việc triển khai Năm Dữ liệu số Quốc gia, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và khai thác CSDL quốc gia về dân cư; Văn bản số 8666/UBND-VHTT về việc triển khai, tự đánh giá mức độ Chuyển đổi số (QN_DTI) năm 2023 số 9119/UBND-VHTT ngày 13/11/2023 về việc triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy, tăng cường ứng dụng chữ ký số cá nhân trong giải quyết TTHC; Văn bản số 8832/UBND-VHTT ngày 03/11/2023 về việc đề xuất sáng kiến phát triển kinh tế số trên địa bàn thành phố Hạ Long; Văn bản số 8667/UBND-VHTT ngày 30/10/2023 về nâng cao kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC; Văn bản số 8935/UBND-TTHCC ngày 08/11/2023 về tiếp tục thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao cho Bưu điện thực hiện TTHC

Dữ liệu số hoàn thành 1/4 mục tiêu; (2) Chính quyền số hoàn thành 5/6 mục tiêu; (3) Kinh tế số hoàn thành 6/7 mục tiêu; (4) Xã hội số hoàn thành 6/13 mục tiêu²; còn lại 12/30 mục tiêu chưa hoàn thành, chi tiết:

- 03/12 chỉ tiêu đã thực hiện đạt trên 90% đề ra³.
- 02/12 chỉ tiêu đã thực hiện đạt từ 50-70% đề ra⁴.
- 05/12 chỉ tiêu đang triển khai thực hiện⁵.
- 01/12 Chỉ tiêu đang chờ cấp tỉnh triển khai⁶.

(Chi tiết biểu kèm theo)

1.2. Về xây dựng các trụ cột chuyển đổi số

1.2.1 Chính quyền số

* Về dịch vụ công trực tuyến, bưu chính công ích:

² (1) 100% các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của Thành phố được bảo vệ (Công thông tin điện tử Hạ Long): đạt 100%; (2) 100% các thủ tục hành chính ban hành mới đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia: đạt 100%; (3) 100% người đứng đầu các phòng ban, đơn vị, UBND các xã phường sử dụng chữ ký số, xử lý công việc trên hệ thống chính quyền điện tử và trong năm được đào tạo/bồi dưỡng/tập huấn về kỹ năng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định; (4) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên đổi số, kỹ năng số; trong đó 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số: đạt 100%; (5) 70% dịch vụ công trực tuyến (TTHC cung cấp trực tuyến trong năm có giao dịch) phát sinh hồ sơ: Đạt 100%. (6) 85% hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến: Đạt trên 99%; (7) 100% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông sử dụng hợp đồng điện tử: đạt 100%; (8) Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã sử dụng thương mại điện tử đạt tối thiểu 50%: Đạt trên 70%; (9) 100% sản phẩm OCOP (từ 3 sao trở lên) phát sinh mới trong năm 2023 được đưa lên sàn thương mại điện tử và phát sinh giao dịch: đạt 100%; (10) 80% sản phẩm nông sản, thủy sản được truy xuất nguồn gốc: 72/72 sản phẩm đạt 100%; (11) Trên 99% doanh nghiệp và tổ chức nộp thuế điện tử; tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể nộp thuế theo phương pháp kê khai thực hiện nộp thuế điện tử 35%; (12) 100% khu dân cư tập trung có kết nối internet băng rộng cố định: đạt 100%; (13) Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 95%: đạt trên 95%; (14) 100% các trường từ tiểu học đến trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố triển khai học bạ điện tử: đạt 100%; (15) Số lượng điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt tối thiểu tăng thêm 3.500 điểm: đạt 109,8%; (16) Tối thiểu 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số: đạt trên 98%. (17) Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 96%: đạt 96%; (18) Hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 92%: đạt 92%; (19) Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn Thành phố đạt tối thiểu 12%; ước đạt trên 12%.

³ (1) 100% hồ sơ được số hóa ngay từ khâu tiếp nhận đến trả kết quả cho người dân, 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đủ điều kiện được ký số và trả cho người dân trên môi trường số thông qua tài khoản Công dân điện tử, 20% thủ tục hành chính được cung cấp biểu mẫu nhập liệu, số hóa đầu vào gắn với bóc tách dữ liệu; (2) Tỷ lệ giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt: Thu ngân sách nhà nước (phí, lệ phí) đạt 90%; TTHC do công an thực hiện tối thiểu 30%; Điện, nước đạt tối thiểu 93%; Giáo dục đào tạo, Trung tâm HCC đạt tối thiểu 80%; các cơ sở Y tế Thành phố 50%; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đạt 40%. Chi trả lương, trợ cấp bảo hiểm xã hội, thất nghiệp đạt 45%. (3) 95% người dân trưởng thành có điện thoại thông minh và cài đặt ứng dụng VneID, sử dụng định danh điện tử mức độ 2

⁴ (1) 60% người dân trưởng thành sử dụng nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa; (2) 100% cơ sở y tế Thành phố thực hiện chuyển đổi số, trong đó 10% cơ sở y tế triển khai bệnh án điện tử theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TTBYT về Hồ sơ bệnh án điện tử; 100% người dân có sổ sức khỏe điện tử được đưa vào sử dụng trong khám chữa bệnh.

⁵ (1) Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, trong đó tập trung xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về du lịch phục vụ chuyển đổi số trong du lịch.; (2) Triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp có ứng dụng trí tuệ nhân tạo. (3) 100% địa chỉ số có đầy đủ các trường thông tin được gán mã và thông báo tới chủ địa chỉ; triển khai sử dụng địa chỉ số đối với dịch vụ bưu chính. (4) 40% người dân trưởng thành có điện thoại di động thông minh được khởi tạo và cung cấp miễn phí chữ ký số từ xa cá nhân và 10% sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; (5) 100% xã, phường có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông hiện đại, quản trị tập trung có kết nối với hệ thống quản lý thông tin nguồn cấp tỉnh.

⁶ (1) 100% phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh.

- Cấp thành phố cung cấp 155 DVCTT toàn tỉnh, 93 DVCTT một phần; cấp xã cung cấp 53 DVCTT toàn trình, 58 DVCTT một phần; đạt 100% theo Quyết định số 2422/QĐ-UBND.

- Số hồ sơ tiếp nhận qua DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố đạt 4.479/4.488 hồ sơ, chiếm 99,8%.

- Số hồ sơ thực hiện qua DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã 7.157/7.190 hồ sơ, chiếm 99,5% tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong kỳ báo cáo.

- Số hồ sơ có kết quả giải quyết trả qua dịch vụ BCCI đạt 680/4.261 kết quả, chiếm 16%. Không có hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI.

- Phối hợp đơn vị VNPT, Viettel cấp miễn phí chữ ký số cho công dân để triển khai áp dụng chữ ký số cá nhân khi giải quyết TTHC (*đến nay đã cấp mới 1.390 chữ ký số cho người dân*).

*** Về số hóa kết quả hồ sơ đầu vào:**

- Tại Trung tâm Hành chính công: số hồ sơ tiếp nhận được số hoá đạt 4.479/4.488 hồ sơ, chiếm 99,8%; 4.231/4.261 kết quả hồ sơ đã giải quyết, chiếm 99,3%.

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã: số hồ sơ tiếp nhận được số hoá 7.157/7.190 hồ sơ, chiếm 99,5%; số hoá 6.274/7.167 kết quả hồ sơ đã giải quyết, chiếm 87,5%.

*** Về giải quyết công việc trên môi trường mạng:** đạt 84,2% (*tăng 1,4% so với kỳ tháng 10*).

*** Kết quả thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính:** đạt 57,84/100 điểm, đứng thứ 07/13 huyện thị xã thành phố (*tăng 0,17 điểm và lên 01 bậc so với tháng 10*). Cụ thể:

- Công khai minh bạch: 0,3/18 điểm, có 10.940 hồ sơ đã đồng bộ lên cổng DVC quốc gia.

- Tiến độ giải quyết TTHC: 15,7/20 điểm (*tăng 0,7 điểm so với tháng 10*), tỷ lệ đúng hạn 78,18%, tỷ lệ quá hạn 21,82%.

- Cung cấp DVCTT: 7,5/12 điểm (*bằng điểm tháng 10*), TTHC cung cấp DVCTT một phần 61 thủ tục, đạt 23,11%; TTHC cung cấp DVCTT toàn trình: 130 thủ tục, đạt 49,24%; tỷ lệ TTHC có dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt 16,2%; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 99,83%.

- Thanh toán trực tuyến: 7,6/10 điểm (*giảm 0,1 điểm so với tháng 10*), tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 37,77%; tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên cổng DVCQG đạt 39,36%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 46,78% (1.409 hs).

- Mức độ hài lòng: 10,7/18 điểm, tỷ lệ hài lòng trong phản ánh kiến nghị và trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 100%.

- Số hoá hồ sơ: 16,1/22 điểm (*giảm 0,3 điểm so với tháng 10*), tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử đạt 57,36%; tỷ lệ hồ sơ TTHC số hoá 99,86%; tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá 94,87% (9.186 hồ sơ).

1.2.2 Về Kinh tế số

- Tỷ lệ khai thuế điện tử đối với doanh nghiệp, tổ chức đạt 99%.
- Tỷ lệ nộp thuế điện tử đối với doanh nghiệp, tổ chức đạt 99%.
- Tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế bằng phương thức điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai thuế có tài khoản giao dịch thuế điện tử đạt 100%, kê khai thuế điện tử đạt 100%.

- Triển khai nộp thuế điện tử đối với cá nhân trên thiết bị di động (eTax Mobile ngành Thuế): Tổng số giao dịch nộp thuế thành công qua eTax Mobile 906 lượt với tổng số tiền 8.489.017.239 đồng.

- Lũy kế: Tổng số giao dịch nộp thuế thành công qua eTax Mobile: 11.795 lượt với tổng số tiền 136.406.669.373 đồng.

- Các nhà mạng viễn thông (Viettel; VNPT; MobiFone) và các đơn vị điện, nước đã đưa hợp đồng điện tử vào thực hiện giao dịch.

- 100% các sản phẩm OCOP Thành phố được đưa lên sàn thương mại điện tử; 100% sản phẩm nông sản, thủy sản khi đăng ký vệ sinh an toàn thực phẩm đều được triển khai truy xuất nguồn gốc.

1.2.3 Về xã hội số

- Tiếp tục phối hợp với Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở Thông tin và Truyền thông cùng 02 nhà mạng (Viễn thông Quảng Ninh, Viettel Quảng Ninh) triển khai công tác mặt bằng tại 04 vị trí (*Đông Mùng - Tân Dân; Tân Ốc 1 - Đông Sơn; Đông Quặng - Đông Lâm; Thôn Cài - Đông Lâm*); 01 điểm (*Bằng Anh - Tân Dân*) hiện nằm trong diện tích rừng phòng hộ Hồ Yên Lập. Ngày 23/10/2023 sở Thông tin và Truyền thông có báo cáo số 2524/STTTT - BCVT báo cáo UBND tỉnh về tiến độ triển khai Kế hoạch số 130/KH-UBND và đề nghị tháo gỡ khó khăn với vị trí các trạm BTS dự kiến xây dựng thuộc đất rừng.

- Tỷ lệ khu dân cư tập trung có kết nối internet băng rộng cố định đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 92%; tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 96%. Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt trên 101%.

- Số điểm thanh toán không dùng tiền mặt trong tháng 11 tăng thêm 489 điểm, nâng tổng số điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt đạt 4.332 điểm đạt 123,8% kế hoạch của Thành phố (đạt 173,28% kế hoạch tỉnh giao). Số lượng các điểm thanh toán không dùng tiền mặt ở các thôn, bản trong tháng tăng thêm 20 điểm, nâng tổng số điểm thanh toán không dùng tiền mặt ở các thôn, bản đạt 530 điểm.

- Tại Trung tâm Hành chính công hỗ trợ và hướng dẫn thanh toán trực tuyến với số tiền 11.089.531.460 đồng, chiếm 69,7% tổng số tiền thanh toán trên cổng quốc gia của tỉnh.

- Trong tháng, công an Thành phố tiến hành phạt nguội 47 trường hợp vi phạm giao thông với số tiền thu được là 117.500.000đ.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt: Nộp thuế điện tử trên tổng thu NSNN: 96%; Công an 43%; Trung tâm HCC 100%; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 83%; Giáo dục: 100%; Cơ sở y tế: 45%; Điện 95,03%; Nước 89,4%; Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp 58,26%.

- Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử được đưa vào sử dụng trong khám chữa bệnh: 98,5%; tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa: $142.285/269.693 = 52,9 \%$

- Đang triển khai bàn giao, thông báo 22.738 địa chỉ số cho tổ chức, công dân (tạm dừng việc gắn biển địa chỉ số).

2. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ theo kế hoạch chuyển đổi số

- Tiếp tục tăng cường phổ biến, quán triệt nhận thức về chuyển đổi số qua các tin bài, phóng sự trên chuyên mục Cổng thông tin điện tử, truyền thanh Thành phố: Trong tháng 11 đã biên tập, đăng tải 03 tin, bài về chuyển đổi số và liên quan đến CDS.⁷

- Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị viễn thông thực hiện theo Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh về việc phủ sóng di động khu vực lõm sóng tại các vùng sâu, vùng xã, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023.

- Tiếp tục rà soát, đề nghị cấp chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố để giải quyết công việc trên môi trường mạng; đến nay đảm bảo đạt trên 100% (*tiếp tục hỗ trợ đề nghị cấp mới, khôi phục và gia hạn*); Đẩy mạnh việc giải quyết công việc trên môi trường mạng.

- 100% xã, phường hoàn thành chiến dịch cao điểm kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho công dân trên địa bàn thành phố Hạ Long.

- 100% TTHC ban hành mới đủ điều kiện được rà soát và cung ứng đạt dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; triển khai cập nhật ISO điện tử, đánh giá nội bộ hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001-2008.

- Trong tháng đã tổ chức 01 cuộc hội nghị tập huấn an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, phường với tổng số 107 người; Cử 36 cán bộ, công chức, viên chức tham gia buổi tập huấn hướng dẫn cách thức thu thập minh chứng, cách thức tự đánh giá, cung cấp và gửi số liệu mức độ Chuyển đổi số; Phối hợp với Trung tâm Hành chính công tỉnh tập huấn, tuyên truyền về tính pháp lý, lợi ích của việc sử dụng kết quả giải quyết TTHC bản điện tử cho đại diện người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn Thành phố.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn Thành phố, số lượng điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn Thành phố đến tháng 11 là 4.332 điểm đạt 123,8% kế hoạch Thành phố.

⁷ Lũy kế đến thời điểm hiện tại Trung tâm biên tập và đăng tải 87 tin, bài và phát sóng trên hệ thống truyền thanh cơ sở và đăng tải trên chuyên mục về chuyển đổi số (trong tháng 05 tin, bài).

- Triển khai hiệu quả thực hiện thí điểm trả thông báo thuế điện tử (đổi thủ tục hành chính đăng ký biến động quyền sử dụng đất, sang tên chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng...), trong tháng tiếp tục triển khai Thông báo thuế điện tử đối với thủ tục chuyển mục đích phải xin phép cơ quan nhà nước... kết hợp với thanh toán qua cổng dịch vụ Công quốc gia đã cắt giảm khâu, bước giải quyết thủ tục hành chính; tạo môi trường số đề tổ chức, công dân giải quyết được nhanh chóng, thuận tiện.

III. Tồn tại, hạn chế

1. Một số mục tiêu chuyển đổi số chưa được triển khai/triển khai chậm và chưa có phương pháp đánh giá⁸;

2. Kết quả chấm điểm bộ chỉ số chỉ đạo điều hành cấp huyện trên DVC Quốc gia theo Quyết định 766/QĐ-TTg còn thấp (đồng bộ dữ liệu giữa phạm mềm của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia vẫn chưa đầy đủ hoàn toàn).

3. Việc giải quyết trên môi trường mạng mới đạt trên 84%; chưa triển khai được bóc tách dữ liệu số hóa; chưa số hóa được dữ liệu tại các phòng ban, đơn vị; Giao dịch sản phẩm nông sản, OCOP trên sàn thương mại điện tử chưa cao.

4. Người dân còn khó khai thác, thực hiện các tiện ích chuyển đổi số; dịch vụ công trực tuyến một số quy trình chưa thực sự dễ hiểu, vẫn còn phức tạp, khó thực hiện. Tiến độ triển khai một số mục tiêu, nhiệm vụ xã hội số còn chậm; địa chỉ số; số khám sức khỏe điện tử đưa vào sử dụng; khởi tạo chữ ký số miễn phí; truyền thanh thông minh IP...

5. Hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng đã có nhiều kết quả tuy nhiên việc tiếp cận công nghệ, giải pháp các tiện ích chuyển đổi số của một số thành viên trong tổ CNSCĐ còn hạn chế.

6. Một số cơ quan, đơn vị chưa thống kê, báo cáo các số liệu, chỉ tiêu do đơn vị mình được giao chủ trì hoặc báo cáo chưa thống kê chi tiết, chưa sát với công tác triển khai thực tế tại đơn vị nên trong báo cáo tổng hợp kết quả Chuyển đổi số của Thành phố chưa đầy đủ số liệu cụ thể; Một số lĩnh vực ưu tiên tại một số đơn vị chưa cao (Du lịch, Giao thông, Đất đai, thương mại, doanh nghiệp số, công nghiệp).

7. Việc cấp chữ ký số cá nhân miễn phí cho người dân còn gặp nhiều khó khăn, do nhu cầu của người dân ít; việc đăng ký trực tuyến online trên App của đơn vị VNPT, Viettel còn bị lỗi khiến người dân chưa nhiệt tình tham gia, còn ngại đăng ký sử dụng.

IV. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 12/2023

⁸ Chưa triển khai/triển khai chậm: (1) 100% phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; (2) 20% thủ tục hành chính được cung cấp biểu mẫu nhập liệu, số hóa đầu vào gắn với bóc tách dữ liệu. (02 nội dung này chờ tỉnh); (3) Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, trong đó tập trung xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về du lịch phục vụ chuyển đổi số trong du lịch. (4) 40% người dân trưởng thành có điện thoại di động thông minh được khởi tạo và cung cấp miễn phí chữ ký số từ xa cá nhân và 10% sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. (5) 100% xã, phường có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông hiện đại, quản trị tập trung có kết nối với hệ thống quản lý thông tin nguồn cấp tỉnh; (6) 100% địa chỉ số có đầy đủ các trường thông tin được gán mã và thông báo tới chủ địa chỉ; triển khai sử dụng địa chỉ số đối với dịch vụ bưu chính.

1. Tiếp tục rà soát triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo các kế hoạch: số 259/KH-BCĐ ngày 15/6/2023 của Ban chỉ đạo về hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg và Nghị quyết số 09-NQ/TU thành phố Hạ Long năm 2023; số 69/KH-UBND ngày 28/2/2023 của UBND thành phố Hạ Long về chuyển đổi số toàn diện Thành phố năm 2023, số 66/KH-UBND ngày 28/02/2023 của UBND thành phố Hạ Long về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn thành phố Hạ Long năm 2023; và các kế hoạch: Thanh toán không dùng tiền mặt; Thương mại điện tử; triển khai chợ 4.0; Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số; An toàn, an ninh mạng quốc gia.

2. Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng toàn trình trên hệ thống chính quyền điện tử tỉnh của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn Thành phố kết hợp với việc kiểm tra giám sát kết quả thực hiện.

3. Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn Thành phố để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số.

4. Thực hiện số hoá 100% hồ sơ ngay từ khâu tiếp nhận đến trả kết quả cho người dân, 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đủ điều kiện được ký số và trả cho người dân trên môi trường số thông qua tài khoản Công dân điện tử; triển khai việc tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; triển khai có hiệu quả 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông.

5. Tiếp tục triển khai hiệu quả các nội dung theo Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 23/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong triển khai thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” gắn với chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

6. Thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả Chuyển đổi số toàn diện năm 2023 trên địa bàn, tập trung xác định các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 để ban hành kế hoạch triển khai thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ninh, UBND tỉnh:

- Báo cáo, đề nghị bộ, ngành Trung ương: Quan tâm rà soát, đánh giá thực trạng triển khai thực hiện các dịch vụ công của từng Bộ, ngành để thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Chỉ đạo các sở ngành triển khai sớm các dự án công nghệ thông tin theo các kế hoạch để phục vụ chuyển đổi số trên toàn tỉnh; Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu các cơ chế chính sách đặc thù để báo cáo, trình hội đồng nhân dân tỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số.

- Sớm triển khai mô hình Trung tâm giám sát điều hành thành phố thông minh tỉnh Quảng Ninh làm cơ sở để các đơn vị cấp huyện nghiên cứu, triển khai

thực hiện tại các địa phương, đảm bảo nguyên tắc chỉ đạo: không trùng lặp, hiệu quả, thực chất, tránh lãng phí, thất thoát.

2. Đề nghị các sở, ban, ngành: Sớm hoàn thành các nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh; các đơn vị chủ trì có hướng dẫn thống kê, đánh giá một số chỉ tiêu nhiệm vụ về kinh tế số, xã hội số như: doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa; người dân trưởng thành có điện thoại di động thông minh; Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến; người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản; Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử; doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động ..

3. Đề nghị Sở Nội vụ: Nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm về nhân lực công nghệ thông tin cho các đơn vị phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số để triển khai trên toàn tỉnh.

4. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông: (1) Nghiên cứu chuẩn hóa đội ngũ chuyên gia, nòng cốt chuyển đổi số trên toàn tỉnh; xây dựng, triển khai các kế hoạch tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng số, thực hiện đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ nhân lực số từ tỉnh xuống cơ sở; (2) Ban hành các hướng dẫn chuyên môn về chuyển đổi số; hướng dẫn việc xây dựng các cơ sở dữ liệu, nền tảng số cho các đơn vị triển khai thực hiện; (3) Thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ trong phát triển kinh tế số, tổ chức các cuộc hội thảo theo ngành, lĩnh vực, đặc biệt là hướng dẫn các địa phương việc đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí về phát triển kinh tế số.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ tháng 11/2023 của UBND thành phố Hạ Long./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND và UBND TP;
- BCĐ CDS TP;
- TCT, Tổ giúp việc 09;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- UBND 33 xã, phường;
- Lưu: VT, VHTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sơn